

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2018/HSST

Ngày: 26/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, TP. HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Tiên

2. Ông Trần Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 327/2018/HSST ngày 06/11/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 348/2018/QĐ-HSST ngày 06/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2018/QĐ-HPT ngày 19/11/2018 đối với bị cáo:

NGUYỄN THỊ HẢI Y, sinh năm: 1995; HKTT và chỗ ở: Thôn Y2, phường X, TP. P, tỉnh Vĩnh Phúc; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn H, con bà: Đỗ Thị Thu H1; gia đình có 02 (Hai) anh em, bị cáo là con thứ hai; Bị cáo chưa kết hôn, có 01 (Một) con sinh ngày 23/4/2018; Tiền án, tiền sự: Theo danh bản, chỉ bản số **490** lập ngày 28/8/2018 của Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt ngày: 23/8/2018, hủy bỏ biên pháp tạm giữ ngày 31/8/2018. Hiện được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Thanh T - Sinh năm: 1996

Địa chỉ: Số 105A C12, Tổ 27 phường Đ, quận L, TP. Hà Nội. (Vắng mặt)

2. Anh Đào Quang Q - Sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số 3/49, Tổ 19 phường Đ, quận L, TP. Hà Nội. (Vắng mặt)

3. Chị Phùng Thị A - Sinh năm: 2000

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường K, TP. V, tỉnh Vĩnh Phúc. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 19h ngày 23/8/2018, tổ công tác Công an phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội tiến hành kiểm tra hành chính nhà nghỉ Tràng An, địa chỉ: Số 09 ngõ 02 đường Lâm Du, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội. Quá trình kiểm tra đã phát hiện bắt giữ 02 (Hai) đôi nam nữ có hành vi mua bán dâm, cụ thể:

- Tại phòng 203 có 01 (một) đôi nam nữ tên là Đào Quang Q và Nguyễn Thị Hải Y.

- Tại phòng 204 có 01 (Một) đôi nam nữ tên là Trần Thanh T và Phùng Thị A.

Tang vật tạm giữ gồm: 02 (Hai) bao cao su đã qua sử dụng, 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen và số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng) của Nguyễn Thị Hải Y, 01 (Một) điện thoại Nokia màu đen của Trần Thanh T, 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen và số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) của Phùng Thị A.

Tại chỗ các đối tượng khai nhận: Thông qua Nguyễn Thị Hải Y làm môi giới, T và Q cùng 02 (Hai) gái bán dâm là Y và A đã có hành vi mua bán dâm tại nhà nghỉ Tràng An.

Tại cơ quan CSĐT – Công an quận Long Biên, Trần Thanh T, Đào Quang Q, Nguyễn Thị Hải Y và Phùng Thị A khai nhận nội dung vụ việc như sau:

Khoảng 14h ngày 23/8/2018, Trần Thanh T ngồi uống bia cùng với Đào Quang Q tại phố Ngọc Lâm, quận Long Biên, TP. Hà Nội. Tại đây, T và Q rủ nhau đi mua dâm và góp mỗi người 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để T cầm và thanh toán tiền mua dâm cho cả hai. Do T được bạn xã hội cho số điện thoại của gái bán dâm là Nguyễn Thị Hải Y có số điện thoại 097.675.3703 nên T đã gọi đến số điện thoại trên để hỏi mua dâm nhưng Y không nghe máy. Do Y chỉ sử dụng số điện thoại trên để bán dâm nên Y hiểu là có khách mua dâm. Đến khoảng 15h cùng ngày, do số điện thoại 097.675.3703 của Y hết tiền nên Y đã sử dụng số điện thoại

098.545.3335 của Y để liên lạc lại vào số máy của T. Qua trao đổi, Y đồng ý bán dâm cho T với giá 400.000 (Bốn trăm ngàn đồng) /01 (Một) lượt và bảo T đến nhà nghỉ Tràng An ở địa chỉ: Số 09 ngõ 02 đường Lâm Du, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội để đợi Y. Sau đó, Đào Quang Q lại sử dụng số điện thoại T gọi điện cho Y, giới thiệu là bạn của T và cũng muốn mua dâm. Thấy vậy Y nảy sinh ý định gọi thêm gái bán dâm đến để cùng Y bán dâm cho T và Q nên Y đồng ý và bảo Q và T đợi tại nhà nghỉ Tràng An. Sau đó, Y đã gọi điện thoại cho Phùng Thị A (Cũng là gái bán dâm) để rủ A đi bán dâm cùng. Lúc này A đang ở nhà trọ tại địa chỉ: Số 110 phố Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội thì nhận được điện thoại của Y gọi đến. Y rủ A đi bán dâm với giá bán dâm là 400.000 (Bốn trăm ngàn đồng) /01 (Một) lượt, A đồng ý. Y bảo A đến nhà nghỉ Tràng An tại địa chỉ nêu trên và Y sẽ đón. Khoảng 18h30' cùng ngày, A đi xe ôm đến nhà nghỉ Tràng An thì gặp Y. Lúc này, T cùng Q đã thuê sẵn 02 (Hai) phòng (Phòng 203 và phòng 204 của nhà nghỉ Tràng An). Sau đó, Y và A đi lên tầng 02 nhà nghỉ Tràng An thì gặp T đang đứng chờ như đã hẹn. T đưa Y 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng) và nói 400.000 đồng (Bốn trăm ngàn đồng) là tiền mua dâm T trả hộ Q, còn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) là tiền công cho riêng Y vì Y đã rủ A đi bán dâm cùng. Y nhận tiền rồi đi vào phòng 203 để bán dâm cho Q. Còn A vào phòng 204 cùng T, tại đây T đưa cho A 500.000 (Năm trăm ngàn đồng) đồng để mua dâm với A. Trong khi các đối tượng đang thực hiện hành vi mua dâm thì bị cơ quan công an đến kiểm tra hành chính phát hiện. Cơ quan công an đã lập biên bản, thu giữ tang vật và đưa các đối tượng cùng tang vật về trụ sở để giải quyết.

Lời khai của Nguyễn Thị Hải Y phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 323/CT-VKS ngày 01/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố Nguyễn Thị Hải Y về tội **“Môi giới mại dâm”** theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hải Y đã đủ yếu tố cấu thành tội: **“Môi giới mại dâm”** theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự nên giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 328; điểm s, i khoản 1 Điều 51 và Điều 65, khoản 1 Điều 47 của BLHS; Điều 106 BLTTHS, Về **hình phạt**: Đề nghị xử phạt bị cáo Y mức án từ

08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 đến 20 tháng; Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền; **Về tang vật:** Đề nghị tịch thu, tiêu hủy vật chứng là 02 (Hai) bao cao su đã qua sử dụng; Đề nghị sung quỹ nhà nước số tiền 1.200.000 đồng (Trong đó 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng) thu giữ của Nguyễn Thị Hải Y và 500.000 (Năm trăm ngàn đồng) đồng thu giữ của A là tiền liên quan đến hành vi phạm tội; Đề nghị sung quỹ nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen của bị cáo, 01 (Một) điện thoại Nokia màu đen của Trần Thanh T, 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen của A là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Hải Y trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã ăn năn hối hận. Về hoàn cảnh gia đình bị cáo chưa kết hôn nhưng đang nuôi con nhỏ 07 (Bảy tháng tuổi), bị cáo là người duy nhất chăm sóc nuôi dưỡng cháu bé. Hiện bị cáo đã trở về địa phương và đang xin việc làm và lao động chân chính để nuôi cháu. Vì vậy bị cáo xin HĐXX mở lượng khoan hồng cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội để có điều kiện nuôi con và tự cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản xử phạt vi phạm hành chính, biên bản tạm giữ đồ vật, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ và nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19h ngày 23/8/2018, Nguyễn Thị Hải Y có hành vi làm trung gian, dẫn dắt cho Trần Thanh T và Phùng Thị A thực hiện việc mua dâm, bán dâm để hưởng lợi 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Trong khi T và A đang quan hệ tình dục tại phòng 204 nhà nghỉ Tràng An, địa chỉ

số 09 ngõ 02 đường Lâm Du, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội tiến hành kiểm tra hành chính phát hiện bắt giữ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Hải Y đã phạm vào tội: **Môi giới mại dâm**. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố các bị cáo về tội: **“Môi giới mại dâm”** theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm các giá trị đạo đức của xã hội, xâm phạm trật tự công cộng được Bộ luật hình sự bảo vệ, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. HĐXX xét thấy cần giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cũng như phòng ngừa chung.

[3] **Về nhân thân:** Theo danh bản, chỉ bản số **490** lập ngày 28/8/2018 của Công an quận Long Biên, thành phố Hà Nội và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự.

Khi lượng hình cũng xem xét, tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, xét thấy bị cáo Nguyễn Thị Hải Y có nơi cư trú rõ ràng. Về hoàn cảnh gia đình mặc dù chưa kết hôn nhưng bị cáo đang nuôi con nhỏ 07 (Bảy) tháng tuổi. Bị cáo là lao động chính và là người duy nhất nuôi dưỡng chăm sóc cháu bé. Số tiền hưởng lợi do phạm tội mà có của bị cáo 300.000 đồng là không lớn. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội cũng như yếu tố nhân thân nêu trên, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cần áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, để cho bị cáo Y có cơ hội chăm sóc nuôi dưỡng con nhỏ và lao động phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

Xét bị cáo hiện đang làm tự do chưa có thu nhập ổn định, đang nuôi con nhỏ, không có khả năng thi hành phạt bổ sung bằng tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 328 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX.

[4] **Về xử lý vật chứng:** Đề xuất của Viện kiểm sát tại phiên tòa về xử lý tang vật của vụ án có căn cứ nên chấp nhận. Tịch thu, tiêu hủy vật chứng là 02 bao cao su đã qua sử dụng; Sung công quỹ nhà nước 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng) (Trong đó 700.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị Hải Y và 500.000 đồng thu giữ của A) là tiền liên quan đến hành vi phạm tội và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu đen của bị cáo, 01 (Một) điện thoại Nokia màu đen của Trần Thanh T, 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen của A là tài sản liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với hành vi mua bán dâm của Trần Thanh T, Đào Quang Q, Nguyễn Thị Hải Y và Phùng Thị A, Công an quận Long Biên đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị quyết số 167/CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là có căn cứ.

Đối với Tạ Quang T2 – Sinh năm: 1991, nơi cư trú: D, T5, Phú Thọ là nhân viên lễ tân nhà nghỉ Tràng An và chủ cơ sở kinh doanh: Quá trình điều tra xác định Nhà nghỉ Tràng An có đầy đủ giấy phép kinh doanh và đã làm thủ tục theo đúng quy định khi cho khách thuê phòng, Tạ Quang T2 khi cho Q và T thuê phòng nghỉ không biết việc các đối tượng Q, T, Y và A có hành vi mua bán dâm. Khi thấy các đối tượng có nghi vấn đã tích cực chấp hành hợp tác với cơ quan công an để làm rõ hành vi phạm pháp của các đối tượng; do vậy công an quận Long Biên không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

[5] **Về án phí:** Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hải Y phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí HSST. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **NGUYỄN THỊ HẢI Y** phạm tội **Môi giới mại dâm**.

- Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

- Áp dụng Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Thị Hải Y 08 (Tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **16 (Mười sáu)** tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hải Y về Ủy ban nhân dân phường X, TP. P, tỉnh Vĩnh Phúc để giám sát giáo dục bị cáo trong thời hạn thử thách của bản án. Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về tang vật: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy 02 (Hai) bao cao su đã qua sử dụng. (Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên)

- Tịch thu, sung vào công quỹ Nhà nước 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng), trong đó gồm 700.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị Hải Y và 500.000 đồng thu giữ của bị cáo A. (Theo Giấy nhận tiền vào tài khoản Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên ngày 06/11/2018).

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước 01 (Một) điện thoại di động Iphone 6 mặt trước màu đen, mặt sau màu xám, 01 (Một) điện thoại di động Nokia màu đen, 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen. (Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Hải Y phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí HSST.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh

Bị cáo Nguyễn Thị Hải Y có quyền kháng cáo trong hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn **15 (Mười lăm)** ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên;
- Sở Tư pháp T.P Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân phường X, TP. P, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hằng